

Số: /QĐ-UBND

Phường Chu Văn An, ngày 25 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHU VĂN AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định Chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Chu Văn An về phê duyệt kế hoạch đầu tư công phường Chu Văn An năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Chu Văn An về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường và phân bổ ngân sách phường năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND phường Chu Văn An về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách phường Chu Văn An năm 2026 (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Công thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Thương**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026**  
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>320.852.402</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>320.852.402,000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	16.654.000	I. Chi đầu tư phát triển	45.688.402,000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	88.863.000	II. Chi thường xuyên	269.710.000
III. Thu bổ sung	215.335.402	III. Dự phòng	5.454.000
- Bổ sung cân đối	172.647.000		
- Bổ sung có mục tiêu	42.688.402		
IV. Thu chuyển nguồn			

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000  
đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG	THU NSNN	THU NS PHƯỜNG
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>130.642.120</b>	<b>428.270.231</b>	<b>198.070.000</b>	<b>320.852.402</b>	<b>151,6</b>	<b>74,9</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>130.642.120</b>	<b>23.868.895</b>	<b>198.070.000</b>	<b>105.517.000</b>	<b>151,6</b>	<b>442,1</b>
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	40.559.699	2.608.678	125.740.000	67.397.000	310,0	2.583,6
5	Thuế thu nhập cá nhân	38.881.902	11.332.039			-	-
6	Thuế bảo vệ môi trường			-			
7	Lệ phí trước bạ			35.180.000	21.930.000		
8	Thu phí, lệ phí	2.333.421	153.360	2.630.000	2.430.000	112,7	1.584,5
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			10.000	10.000		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			4.670.000	4.670.000		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			13.040.000	5.216.000		
12	Thu tiền sử dụng đất	46.227.731	8.016.079	15.000.000	3.000.000	32,4	37,4
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)						

				-			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			-			
16	Thu khác ngân sách	2.187.753	1.307.125	1.170.000	234.000	53,5	17,9
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	451.614	451.614	630.000	630.000	139,5	139,5
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		18.589.538				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		22.921				
<b>V</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	-	<b>385.788.877</b>	-	<b>215.335.402</b>		<b>55,8</b>
	Thu bổ sung cân đối		282.645.000		172.647.000		61,1
	Thu bổ sung có mục tiêu		103.143.877		42.688.402		41,4

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			DỰ TOÁN NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>296.729.000</b>	<b>10.557.000</b>	<b>286.172.000</b>	<b>320.852.402</b>	<b>45.688.402</b>	<b>275.164.000</b>	<b>108,1</b>	<b>432,8</b>	<b>96,2</b>
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	129.674.000		129.674.000	143.876.000		143.876.000	111,0		111,0
2	Chi khoa học và công nghệ				390.000		390.000			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	388.000		388.000	5.750.000		5.750.000	1.482,0		1.482,0
4	Chi văn hóa thông tin	2.983.000		2.983.000	2.578.000		2.578.000	86,4		86,4
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.576.000		1.576.000	500.000		500.000	31,7		31,7
6	Chi thể dục thể thao	946.000		946.000	555.000		555.000	58,7		58,7
7	Chi bảo vệ môi trường	21.140.000		21.140.000	13.527.000		13.527.000	64,0		64,0
8	Chi các hoạt động kinh tế	11.747.000		11.747.000	26.482.000		26.482.000	225,4		225,4
9	Chi an ninh - quốc phòng	4.841.000		4.841.000	7.219.000		7.219.000	149,1		149,1
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể, HĐND	67.294.000		67.294.000	34.967.000		34.967.000	52,0		52,0
11	Chi bảo đảm xã hội	38.892.000		38.892.000	32.524.000		32.524.000	83,6		83,6
12	Chi khác	157.000		157.000	1.342.000		1.342.000	854,8		854,8
13	Dự phòng ngân sách	6.534.000		6.534.000	5.454.000		5.454.000	83,5		83,5

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>109.260.556</b>	-	<b>52.976.490</b>	<b>38.971.200</b>	<b>45.688.402</b>	<b>14.228.402</b>	<b>45.688.402</b>	
<b>1. Công trình chuyển tiếp</b>		<b>63.558.891</b>		<b>52.976.490</b>	<b>38.971.200</b>	<b>14.228.402</b>	<b>14.228.402</b>	<b>14.228.402</b>	
Cải tạo, nâng cấp phố Bình Minh, phường Sao Đỏ	2020-2020	2.142.149		2.080.413	1.940.644	133.795	133.795	133.795	
Sửa chữa công trình trụ sở đảng ủy HĐND, UBND phường sao đỏ hạng mục nhà hội trường	2017-2018	819.967		748.427	683.176	53.283	53.283	53.283	
Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ phường Sao Đỏ	2020-2020	2.453.712		2.350.009	2.200.000	150.009	150.009	150.009	
Cải tạo nâng cấp đường Bạch Đằng đoạn đường trần hưng đạo đến đường Hữu nghị: hạng mục nền mặt đường thoát nước, bó vỉa hệ phố ATGT	2018-2018	5.324.830		4.527.604	4.300.000	117.201	117.201	117.201	
Hệ thống điện chiếu sáng đường Trần Phú phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh	2021-2021	975.070		908.756	795.965	110.175	110.175	110.175	
Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng, sửa chữa phòng học và nhà hiệu bộ trường mầm non Sao Đỏ	2021-2021	7.203.902		6.667.193	5.584.528	1.011.355	1.011.355	1.011.355	
Cải tạo sửa chữa tường rào, cổng vỉa hè Trường TH Chu Văn An (điểm chu văn an)	2024-2024	1.213.943		1.046.000	900.000	142.856	142.856	142.856	
Cải tạo sửa chữa tường rào và vỉa hè Trường Mầm non Sao Đỏ (khu 2)	2024-2024	206.181		178.000	-	177.427	177.427	177.427	
Hạ tầng kỹ thuật KDC Tường phường Văn An, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	2018-2019	5.903.712		5.731.939	5.633.424	84.767	84.767	84.767	
Cải tạo nhà hiệu bộ 02 tầng, xây dựng sân + vườn và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Văn An	2021-2023	5.897.286		5.252.978	4.068.214	1.190.348	1.190.348	1.190.348	
Cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Văn An	2024-2024	4.865.000		-	-	254.057	254.057	254.057	
Sơn vạch kẻ đường lắp đặt biển báo đường TRẦN HƯNG ĐẠO và điểm đỗ xe taxi trên quảng trường	2018-2018	499.000		479.040	342.598	91.690	91.690	91.690	

Cải tạo, chỉnh trang tuyến QL18, QL37, và đường Trần Hưng Đạo. Phục vụ xây dựng tuyến phố văn minh đô thị. Hạng mục: Chặt, tĩa Cây xanh, block cửa thu, tấm đan, lát gạch vỉa hè, tấm đậy gốc cây và bó buộc dây	2018-2018	357.712		339.826	46.281	267.379	267.379	267.379	
Cải tạo nâng cấp đường Thanh Niên phường Sao Đỏ Tp. Chí Linh	2023-2023	3.529.339		3.506.899	3.300.000	187.088	187.088	187.088	
Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 184 và đầu đường Lê Đại Hành, KDC lạc Sơn phường Thái Học	2018-2019	5.753.066		5.402.131	4.000.000	1.056.972	1.056.972	1.056.972	
Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Văn An	2024-2025	10.303.507		10.273.225	5.176.370	4.800.000	4.800.000	4.800.000	
Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ phường Thái Học	2024-2026	6.110.515		3.484.049		4.400.000	4.400.000	4.400.000	
<b>Trong đó: hoàn thành trong năm</b>									
Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ phường Thái Học	2024-2026	6.110.515		3.484.049		4.400.000	4.400.000	4.400.000	
<b>2. Công trình khởi công mới</b>		<b>45.701.665</b>				<b>31.460.000</b>		<b>31.460.000</b>	
<b>Trong đó: hoàn thành trong năm</b>									
Quy hoạch tổng mặt bằng Trường THCS Chí Minh, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng		287.312				240.000		240.000	
Quy hoạch tổng mặt bằng Trường THCS Sao Đỏ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng		291.678				240.000		240.000	
Quy hoạch tổng mặt bằng Trường Tiểu học Sao Đỏ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng		285.927				240.000		240.000	
Quy hoạch tổng mặt bằng Trường Mầm Non Chí Minh, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng		275.897				240.000		240.000	
Cắm mốc ranh giới quy hoạch và phân lô các khu đất thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn phường Chu Văn An		2.291.163				800.000		800.000	
Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Sao Đỏ, phường Chu Văn An		15.150.000				11.000.000		11.000.000	
Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Chí Minh, phường Chu Văn An		13.257.509				8.500.000		8.500.000	
Cải tạo các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thái Học phường Chu Văn An		6.762.244				5.000.000		5.000.000	
Xây dựng nhà đa năng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thái Học, phường Chu Văn An		5.900.000				4.500.000		4.500.000	
Chợ tạm Sao Đỏ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng. Hạng mục: Phòng cháy chữa cháy		1.199.935				700.000		700.000	